

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4413 /SGDDT-KHTC

Đồng Nai, ngày 01 tháng 11 năm 2021

V/v xin ý kiến góp ý Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về chế độ chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa Xã hội HĐND tỉnh;
- Liên Đoàn Lao động tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện văn bản số 13019/UBND-KGVX ngày 22 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc xây dựng các Nghị quyết lĩnh vực giáo dục đào tạo trình HĐND tỉnh.

Căn cứ văn bản số 591/HĐND-VP ngày 20/10/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-Cp ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non và các quy định hiện hành, trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các địa phương; Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo các tài liệu gồm:

- Dự thảo Tờ trình Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Báo cáo Thuyết minh Quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình HĐND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Văn hóa Xã hội HĐND tỉnh, Liên Đoàn Lao động tỉnh, Các sở, ban, ngành tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND các huyện, thành phố xem xét, góp ý.

Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải dự thảo trên trang thông tin điện tử xin ý kiến góp ý theo quy định.

Để kịp báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh vào kỳ họp cuối năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị quý cơ quan, đơn vị quan tâm cho ý kiến góp ý bằng văn bản và gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trước **ngày 07/11/2021**.

Đính kèm:

- Dự thảo Tờ trình;
- Dự thảo Nghị quyết;
- Dự thảo Báo cáo thuyết minh.

Rất mong nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của quý cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC. 



Số: /TTr-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Tại Điều 5, Điều 8, Điều 10 của Nghị định, Chính phủ đã quy định Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức hỗ trợ cho các nhóm trẻ tư thục; mức trợ cấp cho trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp và mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.

Tỉnh Đồng Nai là địa phương tập trung nhiều khu công nghiệp, trên địa bàn tỉnh hiện có gần 900 các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập tổ chức nuôi, dạy trẻ là con em công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp với quy mô trẻ mầm non là con công nhân, người lao động ở khu công nghiệp hơn 40.000 cháu.

Việc thực hiện hỗ trợ cho các nhóm trẻ tư thục ở địa bàn khu công nghiệp, hỗ trợ cho trẻ là con công nhân và hỗ trợ cho đội ngũ giáo viên giảng dạy ở các giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp sẽ góp phần duy trì hoạt động ổn định của các cơ sở giáo dục, tăng huy động trẻ ra lớp, tạo an tâm cho đội ngũ công nhân lao động và thể hiện được chính sách quan tâm đối với đội ngũ công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Do vậy, việc xây dựng và trình HĐND tỉnh Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Cụ thể hóa mức trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp và mức hỗ trợ đối với nhóm trẻ tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Làm cơ sở để thực hiện chi trả, hỗ trợ cho các đối tượng thống nhất trên địa bàn tỉnh, tạo thuận lợi cho quá trình kiểm tra, thanh tra.

2. Quan điểm

Xây dựng chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ cho các đối tượng đảm bảo tuân thủ các quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương tỉnh Đồng Nai. Đảm bảo đúng đối tượng, không trùng lặp về chính sách.

Việc xây dựng chính sách đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các nghị định hướng dẫn có liên quan.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

- Nội dung xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại văn bản số /HĐND-VP ngày /10/2021 về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng dự thảo chính sách.

- Nội dung chính sách đã được tổ chức lấy ý kiến của sở, ngành và UBND các huyện, thành phố, các cơ sở giáo dục có liên quan.

- Dự thảo Nghị quyết, dự thảo Tờ trình đã được đăng, lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

- Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định sự phù hợp về căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 2 phần: Phần căn cứ và phần quyết nghị.

- Phần căn cứ có 10 nội dung.
- Phần quyết nghị gồm 4 điều.

2. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh có quy mô trẻ từ 20 đến không quá 70 trẻ, có ít nhất 30% trẻ em là con công nhân và chưa được nhà nước hỗ trợ trang bị thiết bị.

b) Trẻ em (không phân biệt thường trú hay tạm trú) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên mầm non (không phân biệt thường trú hay tạm trú) đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh bảo đảm những điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh có quy mô trẻ từ 20 đến không quá 70 trẻ, có ít nhất 30% trẻ em là con công nhân và chưa được nhà nước hỗ trợ trang bị thiết bị. Mức hỗ trợ: tối đa 40 triệu/nhóm, hỗ trợ duy nhất 1 lần.

b) Trợ cấp cho Trẻ em (không phân biệt thường trú hay tạm trú) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định. Mức trợ cấp: 160.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng

học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp học dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

c) Hỗ trợ giáo viên mầm non bảo đảm những điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Mức hỗ trợ: 800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ: Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non, dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

2. Thời gian thực hiện

Từ năm học 2021-2022 trở đi.

3. Phương thức thực hiện

a) Các địa phương tổ chức mua sắm, trang bị thiết bị cho các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Các địa phương thực hiện chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 và điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP đối với đối với các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách hàng năm cho bố trí cho ngành giáo dục đào tạo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Thuyết minh xây dựng quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Văn hóa xã hội HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, VX, TH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2021

THUYẾT MINH

Quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 05 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT).

2. Thực trạng phát triển mạng lưới trường lớp mầm non trên địa bàn tỉnh

2.1. Tình hình phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh

a) Về mạng lưới, toàn tỉnh hiện có 378 trường mầm non, trong đó công lập có 219 trường, tư thục có 159 trường. Bình quân giai đoạn 2017 - 2021, mỗi năm trên địa bàn tỉnh tăng thêm 10 trường, mạng lưới trường tăng chủ yếu là ngoài công lập, riêng mạng lưới trường công lập do thực hiện sáp nhập trường lớp theo Nghị quyết 19 nên mạng lưới trường giảm (Từ 229 trường ở năm học 2017-2018 còn 219 trường ở năm học 2021-2022). Các địa phương có số trường tăng nhanh là: thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh, các huyện Nhơn Trạch, Thống Nhất.

b) Tổng số trẻ huy động ra lớp là 126.557 trẻ; trong đó, trẻ nhà trẻ là 21.338 trẻ, trẻ mẫu giáo là 105.174 trẻ.

c) Ngành học mầm non đã thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục thông qua việc kêu gọi được nhiều nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư phát triển giáo dục mầm non.

Cụ thể, đến năm học 2021 – 2022, tổng số trường mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh là 159 trường và 899 nhóm trẻ độc lập tư thực. So với năm học 2017 - 2018, mạng lưới trường mầm non ngoài công lập tăng 58 trường, bình quân giai đoạn 2017 - 2021, mỗi năm tăng khoảng 10 trường; số trường tăng chủ yếu do các nhóm trẻ có quy mô lớn được nâng cấp lên thành trường. Mạng lưới trường mầm non ngoài công lập và nhóm trẻ tư thực đã huy động 68.578 học sinh mầm non ra lớp (nhà trẻ: 13.557 trẻ, mẫu giáo: 55.021 trẻ); tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo ngoài công lập ra lớp so với tổng số trẻ ra lớp lần lượt là: 63% và 52%.

d) Về quản lý cấp phép, thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập: Tính đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 159 trường tư thực được cấp quyết định thành lập; 899 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập có phép thành lập. Trách nhiệm cấp phép các nhóm trẻ tư thực do UBND các xã, phường thực hiện.

2.2. Về phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn khu vực có nhiều công nhân lao động trên địa bàn tỉnh.

- Toàn tỉnh hiện có 4 trường mầm non nằm trong khu công nghiệp; 20 trường và 275 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực (MGĐLTT) nằm giáp ranh các khu công nghiệp.

Trong đó, 4 trường mầm non nằm trong khu công nghiệp do các công ty, xí nghiệp đầu tư đưa vào sử dụng để huy động trẻ là con em công nhân ra lớp (Trường Mầm non Đông Phương tại huyện Trảng Bom và Trường Mầm non Dona Standard tại huyện Xuân Lộc do Tập đoàn Phong Thái đầu tư, Trường Mầm non Thái Quang tại TP. Biên Hòa do Công ty Teakwang Vina đầu tư, Trường Mầm non Những bông hoa nhỏ tại Tp. Biên Hòa do Công ty Pouchen đầu tư). Các cơ sở giáo dục do các công ty đầu tư đều đạt chuẩn về cơ sở vật chất, trong quá trình hoạt động đã thực hiện tốt về nội dung chương trình và chăm sóc trẻ theo đúng quy định.

- Các công ty, xí nghiệp đứng ra mở trường mầm non và thực hiện quản lý đã hỗ trợ rất tốt cho công nhân trong việc thuận lợi khi gửi trẻ và an tâm trong lao động sản xuất. Tuy nhiên, so với nhu cầu thì hiện nay việc các công ty, xí nghiệp mở trường mầm non để phục vụ con em công nhân nhìn chung còn mỏng, chủ yếu chỉ ở những công ty có quy mô lớn và tập trung ở các ngành nghề như: Dệt may, giày da....

- Trên cơ sở thống kê từ các địa phương, trên địa bàn tỉnh có hơn 882 cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức dạy học cho trẻ là con em công nhân với quy mô khoảng 41.545 cháu.

3. Sự cần thiết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Trên địa bàn tỉnh hiện có 32 khu công nghiệp, phân bố trên khắp 10/11 địa bàn các huyện, thành phố (hiện huyện Cẩm Mỹ chưa có khu công nghiệp hoạt động), những địa phương trên địa bàn có nhiều khu công nghiệp gồm: Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom. Tổng số lao động ở các khu công nghiệp là 641.350 người.

Về chủ trương, Nhà nước đã quy định về chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp và giao trách nhiệm địa phương căn cứ điều kiện thực tế để quy định cho phù hợp.

Hiện trên địa bàn tỉnh có gần 900 các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập tổ chức nuôi, dạy trẻ là con em công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp với quy mô trẻ mầm non là con công nhân, người lao động ở khu công nghiệp hơn 41.500 cháu.

Việc thực hiện hỗ trợ cho các nhóm trẻ tư thục ở địa bàn khu công nghiệp, hỗ trợ cho trẻ là con công nhân và hỗ trợ cho đội ngũ giáo viên giảng dạy ở các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp sẽ góp phần duy trì hoạt động ổn định của các cơ sở giáo dục, tăng huy động trẻ ra lớp, tạo an tâm cho đội ngũ công nhân lao động và thể hiện được chính sách quan tâm đối với đội ngũ công nhân, người lao động ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Do vậy, việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết

II. ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRẺ EM, GIÁO VIÊN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON ĐỘC LẬP, DÂN LẬP, TƯ THỤC Ở ĐỊA BÀN CÓ KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

1. Nguyên tắc đề xuất mức hỗ trợ

Chính sách xây dựng đảm bảo đúng đối tượng, không trùng lặp về chính sách.

Chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ cho các đối tượng đảm bảo tuân thủ các quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương tỉnh Đồng Nai.

2. Đề xuất nội dung các chính sách hỗ trợ

2.1. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

a) Cơ sở đề xuất chính sách

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ tối thiểu là 20 (hai mươi) triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

b) Đề xuất nội dung chính sách hỗ trợ cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh

- Hỗ trợ trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp có quy mô trẻ từ 20 đến không quá 70 trẻ, có ít nhất 30% trẻ em là con công nhân và chưa được nhà nước hỗ trợ trang bị.

- Định mức hỗ trợ: hỗ trợ 1 lần, định mức: tối đa 40 triệu/nhóm

- Phương thức hỗ trợ: Mua sắm, trang bị thiết bị cho các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng được hỗ trợ.

- Thiết bị hỗ trợ: Theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện sử dụng của đơn vị.

c) Thuyết minh chính sách hỗ trợ

- Lý do đề xuất nhóm trẻ có quy mô từ 20 trẻ đến không quá 70 trẻ và có ít nhất 30% trẻ em là con công nhân được hỗ trợ.

Lý do: Chính sách quy định hỗ trợ cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập (nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập). Tại Điều 1 Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT quy định: Số trẻ em trong nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục không quá 70 trẻ. Do vậy, cần quy định quy mô tối đa của nhóm trẻ để đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng. Bên cạnh đó, để đảm bảo việc lựa chọn được những nhóm trẻ hoạt động ổn định, nâng cao hiệu quả hỗ trợ nên đề xuất chọn nhóm có quy mô từ 20 trẻ đến không quá 70 trẻ.

- Lý do đề xuất hỗ trợ trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học

Hầu hết các nhóm trẻ các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp đều sử dụng nhà ở hoặc nhà thuê để cải tạo thành các phòng nuôi dạy trẻ nên nếu thực hiện hỗ trợ để cải tạo CSVN sẽ khó khăn, không hiệu quả.

Việc thực hiện hỗ trợ trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, tạo môi trường học tập tốt hơn.

- Trong thời gian trước đây, tỉnh đã có Nghị quyết số 101/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc Quy định việc hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất cho các nhóm trẻ tư thục ở khu vực có nhiều công nhân lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, nên một số nhóm trẻ đã được hỗ trợ. Do vậy, để tránh trùng lặp phải đưa ra thêm tiêu chí “chưa được nhà nước hỗ trợ trang bị”.

2.2. Chính sách trợ cấp đối với trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp.

a) Cơ sở đề xuất chính sách

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định: Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

b) Nội dung đề xuất chính sách hỗ trợ cho cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh.

- Trợ cấp cho Trẻ em (không phân biệt thường trú hay tạm trú) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

- Mức trợ cấp: 160.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; Trường hợp học dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

- Phương thức thực hiện: Cấp phát trực tiếp hàng tháng cho phụ huynh học sinh bằng tiền mặt

c) Thuyết minh đề xuất

Mức hỗ trợ 160.000 đồng/HS/tháng chỉ đạt ở mức tối thiểu theo quy định của Trung ương. Với đặc thù của tỉnh là tỉnh công nghiệp, khu công nghiệp nhiều nên quy mô trẻ là con em công nhân trên địa bàn tỉnh khá đông nên mức đề xuất tối thiểu là hợp lý, vừa phù hợp với quy định của Trung ương và vừa phù hợp với khả năng khả năng cân đối ngân sách tỉnh hàng năm.

Mức hỗ trợ trên cũng bằng với mức hỗ trợ tiền ăn cho trẻ ở khu vực thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

2.3. Chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.

a) Cơ sở đề xuất chính sách

Tại khoản 1, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định: Hỗ trợ giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp bảo đảm những điều kiện sau: (1) Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định; (2) Có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; (3) Trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp. Mức hỗ trợ tối thiểu là 800.000 đồng/tháng. Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học.

b) Nội dung đề xuất chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.

- Hỗ trợ giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh bảo đảm những điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

- Mức hỗ trợ: 800.000 đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

- Thời gian hỗ trợ: Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

- Phương thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho giáo viên thuộc đối tượng được hỗ trợ

c) Thuyết minh đề xuất

Mức hỗ trợ đảm bảo phù hợp quy định của Trung ương và phù hợp với đặc thù của tỉnh là tỉnh công nghiệp, khu công nghiệp nhiều nên quy mô trẻ là con em công nhân trên địa bàn tỉnh khá đông nên mức đề xuất tối thiểu nhằm đảm bảo khả năng cân đối từ ngân sách hàng năm

III. NHU CẦU KINH PHÍ

1. Số lượng các cơ sở giáo dục mầm non, học sinh, giáo viên được hưởng chính sách (năm học 2021-2022)

- Số cơ sở giáo dục được hưởng chính sách	: 388 đơn vị
- Số học sinh được hưởng trợ cấp	: 41.965 trẻ
- Số giáo viên được hưởng chính sách	: 1.633 người

2. Nhu cầu kinh phí

- Tổng nhu cầu kinh phí	: 87.777.200.000 đồng
-------------------------	-----------------------

Chia ra theo đối tượng:

+ Hỗ trợ cho cơ sở giáo dục trang bị đồ dùng	: 15.520.000.000 đồng
+ Hỗ trợ cho trẻ là con công nhân	: 60.429.600.000 đồng
+ Hỗ trợ cho giáo viên dạy lớp	: 11.757.600.000 đồng

3. Dự kiến nhu cầu kinh phí giai đoạn sau năm 2022

- Đối với nhóm trẻ: trong giai đoạn 2017-2021, số nhóm trẻ ổn định, có xu hướng giảm (do các nhóm có quy mô lớn được nâng cấp lên thành trường) nên trong giai đoạn sau 2022, số nhóm trẻ được hỗ trợ nếu có sẽ không đáng kể.

- Đối với hỗ trợ cho trẻ và giáo viên:

Với tình hình tăng học sinh ngoài công lập trong giai đoạn qua (2016-2020) tăng bình quân 2,1%/năm. Dự kiến kinh phí hỗ trợ các năm sau năm 2020 sẽ khoảng 76,8 tỷ đồng/năm

4. Nguồn kinh phí:

Từ ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các địa phương để thực hiện chi trả cho các đối tượng

Trên đây là thuyết minh quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập, dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh xem xét./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP SỐ LIỆU TRẺ EM, GIÁO VIÊN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON ĐỘC LẬP DÂN LẬP, TƯ THỰC Ở ĐỊA BÀN CÓ KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(kèm theo báo cáo Thuyết minh Quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

S T T	Địa phương	Tổng số nhóm trẻ độc lập	Trong đó: số nhóm có từ 30% là con công nhân (nhóm)		Tổng số học sinh (cháu)	Trong đó: Số học sinh là con công nhân (cháu)			Số giáo viên dạy ở cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp được hỗ trợ (giáo viên)
			Tổng số nhóm trẻ có ít nhất 30% là con công nhân trong KCN	Trong đó: nhóm trẻ có từ 20 đến 70 cháu và 30% là con công nhân trong KCN		Tổng số	Chia ra		
							Trẻ nhà trẻ	Trẻ Mẫu giáo	
	TỔNG CỘNG:	753	636	388	56.857	41.965	7.256	34.709	1.633
1	Thành phố Biên Hòa	390	376	215	28.028	23.593	4.580	19.013	864
2	Thành phố Long Khánh	20	12	3	1.215	216	58	158	11
3	Huyện Nhơn Trạch	88	71	56	4.135	3.190	500	2.690	125
4	Huyện Long Thành	20	16	14	1.340	743	170	573	24
5	Huyện Trảng Bom	117	98	60	12.182	8.829	1.100	7.729	272
6	Huyện Thống Nhất	31	6	3	2.750	886	51	835	65
7	Huyện Vĩnh Cửu	43	31	22	2.832	1.994	470	1.524	92
8	Huyện Tân Phú	4	0	0	1.534	476	60	416	10
9	Huyện Định Quán	6	3	2	620	158	11	147	12
10	Huyện Xuân Lộc	34	23	13	2.221	1.880	256	1.624	158

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TRẺ EM, GIÁO VIÊN VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM
NON ĐỘC LẬP DÂN LẬP, TƯ THỰC Ở ĐỊA BÀN CÓ KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(kèm theo báo cáo Thuyết minh Quy định một số chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Định mức hỗ trợ (1000 đồng)	Tổng cộng	Dự kiến kinh phí hỗ trợ		
						Hỗ trợ cho các nhóm trẻ tư thực	Hỗ trợ cho trẻ mầm non con công nhân	Hỗ trợ cho giáo viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)+(9)	(7)=(4)x(5)	(8)=(4)x(5)x9	(8)=(4)x(5)x9
1	Năm 2022				87.707.200			
	- Số nhóm trẻ được hỗ trợ	Cơ sở	388	40.000	15.520.000	15.520.000		
	- Dự kiến số trẻ mầm non con công nhân	Trẻ	41.965	160	60.429.600		60.429.600	
	- Dự kiến số giáo viên	Người	1.633	800	11.757.600			11.757.600
2	Năm 2023				75.307.840			
	- Số nhóm trẻ được hỗ trợ	Cơ sở	40	40.000	1.600.000	1.600.000		
	- Dự kiến số trẻ mầm non con công nhân	Trẻ	42.846	160	61.698.240		61.698.240	
	- Dự kiến số giáo viên	Người	1.668	800	12.009.600			12.009.600
3	Năm 2024				76.863.040			
	- Số nhóm trẻ được hỗ trợ	Cơ sở	40	40.000	1.600.000	1.600.000		
	- Dự kiến số trẻ mầm non con công nhân	Trẻ	43.746	160	62.994.240		62.994.240	
	- Dự kiến số giáo viên	Người	1.704	800	12.268.800			12.268.800
4	Năm 2025				78.452.800			
	- Số nhóm trẻ được hỗ trợ	Cơ sở	40	40.000	1.600.000	1.600.000		
	- Dự kiến số trẻ mầm non con công nhân	Trẻ	44.665	160	64.317.600		64.317.600	
	- Dự kiến số giáo viên	Người	1.741	800	12.535.200			12.535.200
	Tổng cộng				318.330.880	20.320.000	249.439.680	48.571.200

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

KHÓA....., KỲ HỌP THỨ.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 05 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2015/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (thông tư số 13/2018/TT-BGDĐT);

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.... tháng.... năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh có quy mô trẻ từ 20 đến không quá 70 trẻ, có ít nhất 30% trẻ em là con công nhân và chưa được nhà nước hỗ trợ trang bị thiết bị.

b) Trẻ em (không phân biệt thường trú hay tạm trú) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

c) Giáo viên mầm non (không phân biệt thường trú hay tạm trú) đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh bảo đảm những điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh có quy mô trẻ từ 20 đến không quá 70 trẻ, có ít nhất 30% trẻ em là con công nhân và

chưa được nhà nước hỗ trợ trang bị thiết bị. Mức hỗ trợ: tối đa 40 triệu/nhóm, hỗ trợ duy nhất 1 lần.

b) Trợ cấp cho Trẻ em (không phân biệt thường trú hay tạm trú) đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định. Mức trợ cấp: 160.000 đồng/tháng/cháu. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp học dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

c) Hỗ trợ giáo viên mầm non bảo đảm những điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Mức hỗ trợ: 800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ: Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp dạy dưới 15 ngày trong 01 tháng thì được tính $\frac{1}{2}$ tháng; trường hợp từ 15 ngày trở lên thì tính tròn 01 tháng.

Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non, dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

2. Thời gian thực hiện

Từ năm học 2021-2022 trở đi.

3. Phương thức thực hiện

a) Các địa phương tổ chức mua sắm, trang bị thiết bị cho các cơ sở giáo dục thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định đối với nội dung hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Các địa phương thực hiện chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 và điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP đối với đối tượng các nội dung hỗ trợ quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách hàng năm cho bố trí cho ngành giáo dục đào tạo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VB QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Thường trực HĐND - UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Nai, Đài PT - TH Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Thái Bảo